

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ II
TOÁN 6**

I. TRẮC NGHIỆM.

Bài 1 : Điền vào ô trống chữ Đ nếu kết quả đúng, chữ S nếu kết quả sai.

Nội dung	Lựa chọn
a. Nếu $a \div 3$ thì a là hợp số.	
b. $3a + 25 \div 5 \rightarrow a \div 5$	
c. $ x > 0$ với $\forall x \in \mathbb{Z}$	
d. $a^2 \div 7$ thì $a^2 + 49 \div 49$	
e. Mọi số nguyên tố lớn hơn 2 đều là số lẻ.	
f. Hai tia chung gốc thì đối nhau.	
g. 3 điểm A, B, C thẳng hàng và $AB = \frac{1}{2} AC$ thì A là trung điểm của BC.	
h. Cho $KA + KB = 8\text{cm}$ và $KA = 4\text{cm}$ thì K là trung điểm của đoạn thẳng AB.	
i. Ba điểm O, A, B thuộc đường thẳng d, nếu $OA < OB$ thì điểm A nằm giữa hai điểm O và B.	
g. Nếu M nằm giữa A và B thì $AM + MB = AB$.	
j. Hai đường thẳng phân biệt thì cắt nhau.	
k. Nếu $AM = MB = AB/2$ thì M là trung điểm của AB	

Bài 2 : Chọn phương án đúng trong các câu sau.

Câu 1 : Tập hợp $M = \{a ; b ; c ; x ; y\}$. Cách viết nào sau đây **sai** :

- A. $\{a ; b ; c\} \subset M$ C. $x \in M$
 B. $\{a ; b ; c\} \in M$ D. $d \notin M$

Câu 2 : Tập hợp các số tự nhiên lớn hơn hoặc bằng 3 và nhỏ hơn 9 được viết là :

- A. $M = \{4; 5; 6; 7; 8\}$ C. $M = \{3; 4; 5; 6; 7; 8\}$
 B. $M = \{3; 5; 7; 9\}$ D. $M = \{3; 4; 5; 6; 7; 8; 9\}$

Câu 3 : Cho $B = \{1; 2; 3\}$ cách viết nào sau đây là đúng.

- A. $1 \in B$ B. $\{1\} \in B$ C. 1 D. 1

Câu 4 : Giá trị của biểu thức $6^5 : 6$ là :

- A. 6^4 B. 6^6 C. 6^5 D. 6^1

Câu 5 : Kết quả của $25^4 \cdot 4^4$ là :

- A. 100^4 B. 29^4 C. 27^8 D. 100^6

Câu 6 : Điền vào dấu * để $3 \cdot 5$ chia hết cho 9.

- A. 9 B. 1 C. 2 D. 5

Câu 7 : kết quả của phép tính $4^3 \cdot 4^2 = ?$

- A. 4^6 B. 4^5 C. 16^5 D. 16^6

Câu 8 : Số nào chia hết cho 13 mà không chia hết cho 9.

- A. 123 B. 621 C. $2^3 \cdot 3^2$ D. 209

Câu 9 : Số 72 phân tích ra thừa số nguyên tố được kết quả là :

- A. $3^2 \cdot 8$ B. $2 \cdot 4 \cdot 3^2$ C. $2^3 \cdot 3^2$ D. $2^3 \cdot 9$

Câu 10 : BCNN(5 ; 15 ; 30) = ?

- A. 5 B. 60 C. 15 D. 30

Câu 11 : ƯCLN (15 ; 45 ; 60) = ?

- A. 45 B. 15 C. 1 D. 60

Câu 12 : Giá trị của biểu thức $A = 2^3 \cdot 2^2 \cdot 2^0$ là :

- A. $2^5 = 32$ B. $2^5 = 10$ C. $2^0 = 1$ D. $8^0 = 1$

Câu 13 : ƯC của 24 và 30 là :

- A. 4 B. 4 C. 6 D. 8

Câu 14 : Số vừa chia hết cho 2 ; 3 ; 5 và 9 là :

- A. 2340 B. 2540 C. 1540 D. 1764

Câu 15 : Cho $A = 7^8 : 7$. Viết A dưới dạng lũy thừa là :

- A. 7^6 B. 7^8 C. 7^7 D. 7^9

Câu 16 : Khẳng định nào sau đây là sai.

- A. - 3 là số nguyên âm.
B. Số đối của - 4 là 4
C. Số tự nhiên đầu tiên là số nguyên dương.
D. $N \subset Z$

Câu 17 : Sắp xếp nào sau đây là đúng.

- A. $- 2007 > - 2008$ C. $2008 < 2007$
B. $- 6 > - 5 > - 4 > - 3$ D. $- 3 > - 4 > - 5 > - 6$

Câu 18 : Kết quả sắp xếp các số -2 ; 3 ; 99 ; -102 ; 0 theo thứ tự tăng dần là:

- A. - 102 ; 0 ; -2; 3 ; 99 C. -102 ; - 2; 0 ; 3 ; 99
B. 0 ; 2 ; -3 ; 99 ; -102 D. -102 ; 0 ; -2 ; 3 ; 99

Câu 19 : Các số sắp xếp theo thứ tự giảm dần là :

- A. 19 ; 11 ; 0 ; -1 ; -5 C. 19 ; 11; -5; -1; 0
B. 19 ; 11; 0 ; -5; -1. D. 19; 11; -5; 0; -1.

Câu 20 : Kết quả đúng của phép tính : $(-15) + (-14)$ bằng :

- A. 1 B. -1 C. 29 D. -29

Câu 21 : Cho đoạn thẳng AB, M là trung điểm của đoạn thẳng AB nếu.

- A. $MA + MB = AB$ và $MA = MB$
B. $MA + MB = AB$
C. $MA = MB$
D. Cả ba câu trên đều đúng

Câu 22 : Cho ba điểm Q, M, N thẳng hàng và $MN + NQ = MQ$. Điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại.

- A. Điểm Q B. Điểm N C. Điểm M D. không có điểm nào.

Câu 23 : Trên đường thẳng a đặt 3 điểm khác nhau A, B, C. Số đoạn thẳng có tất cả là :

- A. 2 B. 5 C. 3 D. 6

Câu 24 : Điểm M là trung điểm của đoạn thẳng EF khi :

- A. $ME = MF$ C. $EM + MF = EF$
B. $ME = MF = EF/2$ D. tất cả đều đúng.

Câu 25 : Hai tia đối nhau là :

- A. Hai tia chung gốc.

- B. Hai tia chung gốc và tạo thành một đường thẳng.
- C. Hai tia chỉ có một điểm chung.
- D. Hai tia tạo thành một đường thẳng.

Câu 26 : Hai đường thẳng phân biệt có thể :

- A. Trùng nhau hoặc cắt nhau.
- B. Trùng nhau hoặc song song.
- C. Song song hoặc cắt nhau.
- D. Không song song, không cắt nhau.

Câu 27 : M là trung điểm của AB khi có :

- A. $AM = MB$
- B. $AM + MB = AB$
- C. $AM + MB = AB$ và $AM = MB$
- D. $AM = MB = AB.2$

II. Bài tập:

Bài 1: Tính hợp lý nhất

1, $2155 - (174 + 2155) + (-68 + 174)$	7, $-1911 - (1234 - 1911)$
2, $-25 \cdot 72 + 25 \cdot 21 - 49 \cdot 25$	8, $156.72 + 28.156$
3, $35(14 - 23) - 23(14 - 35)$	9, $32 \cdot (-39) + 16 \cdot (-22)$
4, $8154 - (674 + 8154) + (-98 + 674)$	10, $-1945 - (567 - 1945)$
5, $-25 \cdot 21 + 25 \cdot 72 + 49 \cdot 25$	11, $184.33 + 67.184$
6, $27(13 - 16) - 16(13 - 27)$	12, $44 \cdot (-36) + 22 \cdot (-28)$

Bài 2 Tìm $x \in \mathbb{Z}$ biết :

1) $x - 2 = -6$	13) $-12(x - 5) + 7(3 - x) = 5$
2) $-5x - (-3) = 13$	14) $(x - 2) \cdot (x + 4) = 0$
3) $15 - (x - 7) = -21$	15) $(x - 2) \cdot (x + 15) = 0$
4) $3x + 17 = 2$	16) $(7 - x) \cdot (x + 19) = 0$
5) $45 - (x - 9) = -35$	17) $-5 < x < 1$
6) $(-5) + x = 15$	18) $ x < 3$
7) $2x - (-17) = 15$	19) $(x - 3)(x - 5) < 0$
8) $ x - 2 = 3$	20) $2x^2 - 3 = 29$
9) $ x - 3 - 7 = 13$	21) $-6x - (-7) = 25$
10) $72 - 3 \cdot x + 1 = 9$	22) $46 - (x - 11) = -48$
11) $17 - (43 - x) = 45$	
12) $3 x - 1 - 5 = 7$	

Bài 3. Cho biểu thức: $A = (-a + b - c) - (-a - b - c)$

- a) Rút gọn A
- b) Tính giá trị của A khi $a = 1; b = -1; c = -2$

Bài 4. Cho biểu thức: $A = (-m + n - p) - (-m - n - p)$

- a) Rút gọn A
- b) Tính giá trị của A khi $m = 1; n = -1; p = -2$

Bài 5. Cho biểu thức: $A = (-2a + 3b - 4c) - (-2a - 3b - 4c)$

- a) Rút gọn A
- b) Tính giá trị của A khi $a = 2012; b = -1; c = -2013$

Bài 6. Bỏ dấu ngoặc rồi thu gọn biểu thức:

a) $A = (a + b) - (a - b) + (a - c) - (a + c)$

b) $B = (a + b - c) + (a - b + c) - (b + c - a) - (a - b - c)$

Bài 7. Liệt kê và tính tổng tất cả các số nguyên x thỏa mãn:

a) $-7 \leq x < 7$

b) $-9 < x \leq 6$

Bài 8. Tính tổng tất cả các số nguyên x thỏa mãn : $|x| < 2013$

Bài 9: Thực hiện phép tính:

a) $\frac{1}{2} \cdot (\frac{2}{9} + \frac{3}{7} - \frac{5}{27})$

b) $(\frac{-5}{28} + 1,75 + \frac{8}{35}) : (-3\frac{9}{20})$

c) $\frac{1}{3} \cdot \frac{5}{7} - \frac{7}{27} \cdot \frac{36}{14}$

d) $70,5 - 528 : \frac{15}{2}$

Bài 10: Tính nhanh:

a) $\frac{-3}{7} + \frac{15}{26} - (\frac{2}{13} - \frac{3}{7})$

b) $2 \cdot \frac{3}{7} + (\frac{2}{9} - 1\frac{3}{7}) - \frac{5}{3} : \frac{1}{9}$

c) $\frac{-11}{23} \cdot \frac{6}{7} + \frac{8}{7} \cdot \frac{-11}{23} - \frac{1}{23}$

d) $(\frac{377}{-231} - \frac{123}{89} + \frac{34}{791}) \cdot (\frac{1}{6} - \frac{1}{8} - \frac{1}{24})$

Bài 11: Tìm số x biết:

a) $\frac{2}{3}x - \frac{3}{2}x = \frac{5}{12}$

b) $\frac{2}{5} + \frac{3}{5} \cdot (3x - 3,7) = -\frac{53}{10}$

c) $\frac{7}{9} : (2 + \frac{3}{4}x) + \frac{5}{9} = \frac{23}{27}$

d) $\frac{-2}{3}x + \frac{1}{5} = \frac{3}{10}$

e) $|x| - \frac{3}{4} = \frac{5}{3}$

f) $|2x - \frac{1}{3}| + \frac{5}{6} = 1$

Bài 12: Một trường học có 1200 học sinh. Số học sinh có học lực trung bình chiếm $\frac{5}{8}$ tổng số, số học sinh khá chiếm $\frac{1}{3}$ tổng số, số còn lại là học sinh giỏi. Tính số học sinh giỏi của trường này.

Bài 13: Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài là $14\frac{1}{2}m$, chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài. Tính chu vi và diện tích của khu vườn đó.

Bài 14: Một tổ công nhân phải trồng số cây trong ba đợt. Đợt I tổ trồng được $\frac{1}{3}$ tổng số cây. Đợt II tổ trồng được $\frac{3}{7}$ số cây còn lại phải trồng. Đợt III tổ trồng hết 160 cây. Tính tổng số cây mà đội công nhân đó phải trồng?

Dành cho học sinh khá, giỏi

Bài 15*: Tính tổng:

a) $\frac{2}{1.3} + \frac{2}{3.5} + \frac{2}{5.7} + \dots + \frac{2}{99.101}$

b) $\frac{5}{1.3} + \frac{5}{3.5} + \frac{5}{5.7} + \dots + \frac{5}{99.101}$

Bài 16*: Chứng tỏ rằng phân số $\frac{2n+1}{3n+2}$ là phân số tối giản.

Bài 17*: Cho $A = \frac{n+2}{n-5}$ ($n \in \mathbb{Z}; n \neq 5$) Tìm x để $A \in \mathbb{Z}$

Bài 18. : Thực hiện phép tính

a) $\left(\frac{3}{8} + \frac{-3}{4} + \frac{7}{12}\right) : \frac{5}{6} + \frac{1}{2}$

b) $\frac{1}{2} + \frac{3}{4} - \left(\frac{3}{4} - \frac{4}{5}\right)$

c) $6\frac{5}{12} : 2\frac{3}{4} + 11\frac{1}{4} \cdot \left(\frac{1}{3} - \frac{1}{5}\right)$

d) $\left(\frac{7}{8} - \frac{3}{4}\right) \cdot 1\frac{1}{3} - \frac{2}{7} \cdot (3,5)^2$

e) $\left(\frac{3}{5} + 0,415 - \frac{3}{200}\right) \cdot 2\frac{2}{3} \cdot 0,25$

f) $\frac{5}{16} : 0,125 - \left(2\frac{1}{4} - 0,6\right) \cdot \frac{10}{11}$

g) $0,25 : (10,3 - 9,8) - \frac{3}{4}$

h) $1\frac{13}{15} \cdot 0,75 - \left(\frac{11}{20} + 25\%\right) : \frac{7}{3}$

i) $\frac{\left(\frac{1}{2} - 0,75\right) \cdot \left(0,2 - \frac{2}{5}\right)}{\frac{5}{9} - 1\frac{1}{12}}$

k) $\frac{\frac{2}{3} + \frac{2}{7} - \frac{1}{14}}{-1 - \frac{3}{7} + \frac{3}{28}}$

Bài 19. : Tính hợp lý giá trị các biểu thức sau:

$A = 49\frac{8}{23} - \left(5\frac{7}{32} + 14\frac{8}{23}\right)$

$B = 71\frac{38}{45} - \left(43\frac{8}{45} - 1\frac{17}{57}\right)$

$C = \frac{-3}{7} \cdot \frac{5}{9} + \frac{4}{9} \cdot \frac{-3}{7} + 2\frac{3}{7}$

$D = \left(19\frac{5}{8} : \frac{7}{12} - 13\frac{1}{4} : \frac{7}{12}\right) \cdot \frac{4}{5}$

$E = 0,7 \cdot 2\frac{2}{3} \cdot 20 \cdot 0,375 \cdot \frac{5}{28}$

$F = \left(9,75 \cdot 21\frac{3}{7} + \frac{39}{4} \cdot 18\frac{4}{7}\right) : \frac{15}{78}$

$H = \left(9\frac{30303}{80808} + 7\frac{303030}{484848}\right) + 4,03$

$I = 10101 \cdot \left(\frac{5}{111111} + \frac{5}{222222} - \frac{4}{3 \cdot 7 \cdot 11 \cdot 13 \cdot 37}\right)$

Bài 20 : Tìm x biết:

a) $\frac{2}{3}x - \frac{1}{2} = \frac{1}{10}$

g) $\left(x \cdot 6\frac{2}{7} + \frac{3}{7}\right) \cdot 2\frac{1}{5} - \frac{3}{7} = -2$

b) $5\frac{4}{7} : x = 13$

h) $x \cdot 3\frac{1}{4} + \left(-\frac{7}{6}\right) \cdot x - 1\frac{2}{3} = \frac{5}{12}$

c) $\left(2\frac{4}{5}x - 50\right) : \frac{2}{3} = 51$

i) $5\frac{8}{17} : x + \left(-\frac{4}{17}\right) : x + 3\frac{1}{7} : 17\frac{1}{3} = \frac{4}{11}$

d) $\left(x + \frac{1}{2}\right) \cdot \left(\frac{2}{3} - 2x\right) = 0$

j) $\frac{17}{2} - \left|2x - \frac{3}{4}\right| = -\frac{7}{4}$

e) $\frac{2}{3}x - \frac{1}{2}x = \frac{5}{12}$

k) $\left(x + \frac{1}{5}\right)^2 + \frac{17}{25} = \frac{26}{25}$

l) $-1\frac{5}{27} - \left(3x - \frac{7}{9}\right)^3 = -\frac{24}{27}$

Bài 21. : Rút gọn phân số:

a) $\frac{-315}{540}$

b) $\frac{25.13}{26.35}$

c) $\frac{6.9 - 2.17}{63.3 - 119}$

d) $\frac{3.13 - 13.18}{15.40 - 80}$

e) $\frac{(-5)^3 \cdot 40.4^3}{135 \cdot (-2)^{14} \cdot (-100)^0}$

f) $\frac{2929 - 101}{2.1919 + 404}$

g) $\frac{-1997.1996 + 1}{(-1995) \cdot (-1997) + 1996}$

h) $\frac{2.3 + 4.6 + 14.21}{3.5 + 6.10 + 21.35}$

i) $\frac{3.7.13.37.39 - 10101}{505050 - 70707}$

k) $\frac{18.34 + (-18).124}{-36.17 + 9 \cdot (-52)}$

Bài 22. : So sánh các phân số sau:

a. $\frac{1}{2}; \frac{1}{3}; \frac{2}{3}$

c. $\frac{3}{124}; \frac{1}{41}; \frac{5}{207}; \frac{2}{83}$

e. $\frac{16}{9}$ và $\frac{24}{13}$

h. $\frac{27}{82}$ và $\frac{26}{75}$

k. $A = \frac{54.107 - 53}{53.107 + 54}$ và $B = \frac{135.269 - 133}{134.269 + 135}$

b. $\frac{4}{9}; -\frac{1}{2}; \frac{3}{7}$

d. $\frac{134}{43}; \frac{55}{21}; \frac{74}{19}; \frac{116}{37}$

g. $\frac{-2525}{2929}$ và $\frac{-217}{245}$

i. $\frac{-49}{78}$ và $\frac{64}{-95}$

m. $A = \frac{3^{10} + 1}{3^9 + 1}$ và $B = \frac{3^9 + 1}{3^8 + 1}$

Gợi ý bài k) $54.107 - 53 = 53.107 + 107 - 53 = 53.107 = 54$ nên $A = 1$

$135.269 - 133 = 134.269 + 269 - 133 = 134.269 + 136$ nên $B > 1$.

Vậy $A < B$

Bài m .so sánh $\frac{A}{3}$ và $\frac{B}{3}$

Phần bù đến đơn vị của $\frac{A}{3}$ là $\frac{2}{3^{10} + 3}$ của $\frac{B}{3}$ là $\frac{2}{3^9 + 3}$ nên $\frac{A}{3} > \frac{B}{3}$ do đó $A > B$

Bài 23. Chứng minh rằng:

a. $\frac{a}{n(n+a)} = \frac{1}{n} - \frac{1}{n+a}$ ($n, a \in \mathbb{N}^*$)

b. áp dụng câu a tính:

$A = \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \dots + \frac{1}{99.100}$

$B = \frac{5}{1.4} + \frac{5}{4.7} + \dots + \frac{5}{100.103}$

$C = \frac{1}{15} + \frac{1}{35} + \dots + \frac{1}{2499}$

Bài 24. : Với giá trị nào của $x \in \mathbb{Z}$ các phân số sau có giá trị là 1 số nguyên

a. $A = \frac{3}{x-1}$

b. $B = \frac{x-2}{x+3}$

c. $C = \frac{2x+1}{x-3}$

d. $D = \frac{x^2-1}{x+1}$

Bài 25. Chứng tỏ rằng các phân số sau tối giản với mọi số tự nhiên n

a. $\frac{n+1}{2n+3}$

b. $\frac{2n+3}{4n+8}$

Gợi ý bài 25b. Gọi d là ƯC ($2n+3$; $4n+8$) $\Rightarrow 2n+3$ chia hết cho d và $4n+8$ chia hết cho d

$\Rightarrow 4n+6$ chia hết cho d và $4n+8$ chia hết cho d

$\Rightarrow 4n+8 - 4n - 6$ chia hết cho d

$\Rightarrow 2$ chia hết cho d

$\Rightarrow d = 1; 2$ nhưng $2n+3$ là số lẻ nên không chia hết cho 2; vậy $d = 1$. Vậy phân số đã cho tối giản

<https://nguyenthienhuongvp77.violet.vn/>

II. Hình học

I. Lý thuyết: Trả lời các câu hỏi đã cho phần ôn tập hình học (sgk - 95, 96)

II. Bài tập:

Bài 1: Vẽ hình theo cách diễn đạt bằng lời:

a) - Vẽ tia Oa

- Trên cùng một nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Oa, vẽ các tia Ob, Oc sao cho $\angle aOb = 45^\circ$, $\angle aOc = 110^\circ$

- Trong 3 tia Oa, Ob, Oc tia nào nằm giữa hai tia còn lại?

b) - Vẽ tia Ox, Oy sao cho $\angle xOy = 80^\circ$

- Vẽ tia Ot nằm giữa hai tia Ox, Oy sao cho $\angle xOt = 40^\circ$

- Tia Ot có là tia phân giác của góc xOy không? Vì sao?

c) + Vẽ đoạn $AB = 6\text{cm}$

+ Vẽ đường tròn (A; 3cm)

+ Vẽ đường tròn (B; 4cm)

+ Đường tròn (A; 3cm) cắt (B; 4cm) tại C và D

+ Tính chu vi tam giác ABC và tam giác ADB

d) Vẽ tam giác MNP biết $MN = 5\text{cm}$; $NP = 3\text{cm}$; $PM = 7\text{cm}$

Bài 2: Trên cùng một nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Om, vẽ các tia On, Op sao cho $\angle mOn = 50^\circ$, $\angle mOp = 130^\circ$

a) Trong 3 tia Om, On, Op tia nào nằm giữa hai tia còn lại? Tính góc nOp.

b) Vẽ tia phân giác Oa của góc nOp. Tính $\angle aOp$?

Bài 3: Cho hai góc kề nhau $\angle aOb$ và $\angle aOc$ sao cho $\angle aOb = 35^\circ$ và $\angle aOc = 55^\circ$. Gọi Om là tia đối của tia Oc.

a) Tính số đo các góc: $\angle aOm$ và $\angle bOm$?

b) Gọi On là tia phân giác của góc bOm. Tính số đo góc aOn?

c) Vẽ tia đối của tia On là tia On'. Tính số đo góc mOn

Bài 4: Cho 2 đường tròn $(O; 4\text{cm})$ và $(O'; 2\text{cm})$ sao cho khoảng cách giữa hai tâm O và O' là 5cm . Đường tròn $(O; 4\text{cm})$ cắt đoạn OO' tại điểm A và đường tròn $(O'; 2\text{cm})$ cắt đoạn OO' tại B .

- Tính $O'A, BO, AB$?
- Chứng minh A là trung điểm của đoạn $O'B$?

Bài 5: Trên cùng một nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Ox , vẽ tia Ot và Oy sao cho góc $xOt = 30^\circ$; góc $xOy = 60^\circ$.

- Hỏi tia nào nằm giữa hai tia còn lại? Vì sao?
- Tính góc tOy ?
- Tia Ot có là tia phân giác của góc xOy hay không? Giải thích.

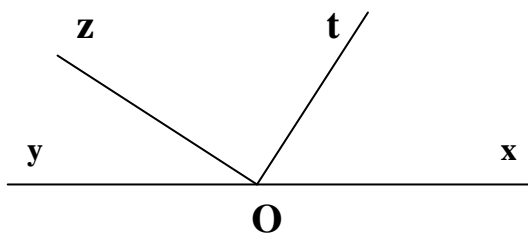
Bài 6: Trên một nửa mặt phẳng bờ có chứa tia Ox , vẽ 2 tia Oy và Oz sao cho góc $xOy = 30^\circ$,

Góc $xOz = 110^\circ$.

- Trong 3 tia Ox, Oy, Oz , tia nào nằm giữa hai tia còn lại? Vì sao?
- Tính góc yOz .
- Vẽ Ot là tia phân giác của góc yOz . Tính góc zOt và góc tOx .

Bài 7: Hình vẽ bên cho 4 tia, trong đó 2 tia Ox và Oy đối nhau, tia Oz nằm giữa 2 tia Oy và Ot .

- Hãy liệt kê các cặp góc kề bù có trong hình vẽ.
- Tính góc tOz nếu biết góc $xOt = 60^\circ$, và góc $yOz = 45^\circ$.



Bài 8. Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox , vẽ các tia Oy, Oz sao cho góc $xOy = 75^\circ$, góc $xOz = 150^\circ$

- Tia Oy có nằm giữa hai tia Ox và Oz không? Vì sao?
- Tính góc yOz .
- Tia Ot có phải là tia phân giác của góc xOy không? Vì sao?

Bài 9. Trên cùng một nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Ox vẽ hai tia Oz và Oy sao cho :

$$\widehat{xOz} = 40^\circ ; \widehat{xOy} = 80^\circ$$

- Hỏi tia nào nằm giữa 2 tia còn lại ? Vì sao ?
- Tính \widehat{zOy}
- Chứng tỏ rằng tia Oz là tia phân giác của \widehat{xOy}

Bài 10 : Trên cùng một nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Ox. Vẽ tia Oy và Oz sao cho $\angle xOy = 50^0$, $\angle xOz = 100^0$

- Trong ba tia Ox, Oy và Oz tia nào nằm giữa hai tia còn lại? Vì sao?
- So sánh $\angle xOy$ và $\angle yOz$?
- Tia Oy có là tia phân giác của góc xOz không? Vì sao?

Bài 11 Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox, vẽ tia Ot, Oy sao cho $\angle xOt = 30^0$, $\angle xOy = 60^0$.

- Trong ba tia Ox, Oy, Ot tia nào nằm giữa hai tia còn lại ? Vì sao?
- So sánh góc tOy và góc xOt ?
- Tia Ot có là tia phân giác của góc xOy không? Vì sao?
- Vẽ tia Oz là tia đối của tia Ox, khi đó tia Oy có là phân giác của góc zOt không? Vì sao?

Bài 12: Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox vẽ hai tia Oy và Oz sao cho góc $\angle xOy = 80^0$; góc $\angle xOz = 40^0$

- Trong ba tia Ox, Oy, Oz tia nào nằm giữa hai tia còn lại? Vì Sao ?
- Tính số đo góc zOy ?
- Chứng tỏ tia Oz là tia phân giác của góc xOy ?

Bài 13

Trên nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox vẽ $\angle xOz = 35^0$, $\angle xOy = 70^0$.

- Tia nào nằm giữa hai tia còn lại ? Vì sao ?
- Tính $\angle zOy$?
- Tia Oz có phải là tia phân giác của góc xOy không ? Vì sao ?
- Gọi Om là tia phân giác của góc xOz . tính $\angle mOy$?
- Gọi Ot là tia đối của tia Ox . Tính $\angle tOy$?

Bài 14

Trên cùng nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox, vẽ tia Oy và tia Ot sao cho $\angle xOt = 80^0$, $\angle xOy = 160^0$.

- Tia nào nằm giữa hai tia còn lại ? Vì sao ?
- Tính góc tOy ?
- Tia Ot có là tia phân giác của góc xOy không ? Vì sao ?
- Vẽ tia Om là tia đối của tia Ox, kể tên các cặp góc kề bù trên hình.

III/ ĐỀ THAM KHẢO:

Đề năm học 2011-2012

A. TRẮC NGHIỆM :(2 điểm)

Trong mỗi câu sau, hãy chọn phương án thích hợp nhất và ghi vào phần bài làm:

Câu 1. Kết quả phép tính: $-5 : \frac{1}{2}$ là:

A. $-\frac{1}{10}$

B. -10

C. $\frac{-5}{-10}$

D. $\frac{-5}{2}$

Câu 2. Trong các cách viết sau, phân số nào bằng phân số $\frac{-2}{3}$?

- A. $\frac{-2}{6}$ B. $\frac{-4}{3}$ C. $\frac{-6}{9}$ D. $\frac{6}{9}$

Câu 3. Kết quả so sánh phân số $N = \frac{2}{3}$ và $M = \frac{3}{4}$ là:

- A. $N < M$ B. $N > M$ C. $N = M$ D. $N \leq M$

Câu 4. Biết $\frac{x}{27} = \frac{-15}{9}$ số x bằng:

- A. -5 B. -135 C. 45 D. -45

Câu 5 Cho 2 góc phụ nhau, trong đó có một góc bằng 35° . số đo góc còn lại là

- A. 45° B. 55° C. 65° D. 145°

Câu 6. Biết góc xOy là góc tù thì:

- A. $0^{\circ} < \angle xOy < 90^{\circ}$ B. $90^{\circ} \leq \angle xOy \leq 180^{\circ}$ C. $90^{\circ} < \angle xOy < 180^{\circ}$ D. $90^{\circ} < \angle xOy \leq 180^{\circ}$

Câu 7 Tia Oy là tia phân giác của góc xOz, biết $\angle xOy = 45^{\circ}$; Góc xOz là góc gì?

- A. Bẹt B. Tù C. Vuông D. Nhọn

Câu 8. Hình gồm các điểm cách O một khoảng 6cm là

- A. Hình tròn tâm O, bán kính 6cm B. Đường tròn tâm O, bán kính 3cm
C. Đường tròn tâm O, bán kính 6cm D. Hình tròn tâm O, bán kính 3cm

B. TỰ LUẬN: (8 điểm)

Bài 1. (1.5đ) Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể)

a. $\frac{-2}{3} + \frac{4}{15}$ b. $\frac{-3}{7} \cdot \frac{5}{11} + \frac{-3}{7} \cdot \frac{6}{11} + 2\frac{3}{7}$

Bài 2. (2.5đ)

1. Tìm x biết:

a. $2x + 23 = 2012 - (2012 - 15)$ b. $\frac{3}{5}x - \frac{2}{3} = \frac{1}{5}$

2. Cho biểu thức $A = \frac{2}{n-1} (n \in \mathbb{Z})$. Tìm tất cả các giá trị nguyên của n để A là số

nguyên

Bài 3. (1.5đ): Khi trả tiền mua một quyển sách theo đúng giá bìa; Hùng được cửa hàng trả lại 1500 đồng, vì đã được khuyến mãi 10%. Vậy Hùng đã mua quyển sách đó với giá bao nhiêu?

Bài 4. (2.5đ): Cho góc xOy có số đo bằng 80° Vẽ tia phân giác Ot của góc đó. Vẽ tia Om là tia đối của tia Ot.

- a. Tính góc xOm
b. So sánh góc xOm và Góc yOm
c. Om có phải là tia phân giác của góc xOy không?

<https://nguyenthienhuongvp77.violet.vn/>